

BÀI TẬP ÔN LUYỆN GIỮA HK1 - LỚP 9

ĐỀ 1

I. ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

"Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiềm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã đề châu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong áng sương mù thấy có một đám những tán vàng kiệu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sấp rượu và thức nhắm, đứng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:

- Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liên nhật mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lính giá ngài lên châu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên..."

(Trích chuyện *Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*, *Truyện kì mạn lục*, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:

Câu 1 (0,5đ). Xác định thể loại của đoạn trích trên

Câu 2 (0,5đ). Theo đoạn trích, tính cách nào của Tử Hư được Dương Trạm răn đe và sửa đổi?

Câu 3 (1,0đ). Hiệu quả nghệ thuật của chi tiết kì ảo được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 4 (1,0đ). Điều gì khiến Dương Trạm được Đức Đế quân khen là có bụng tốt và tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng?

Câu 5 (1,0đ). Chi tiết *khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lều ở mã đề châu chực, sau ba năm rồi mới trở về* cho thấy Phạm Tử Hư là người như thế nào?

II. LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết đoạn văn 200 chữ nêu vai trò của người thầy trong cuộc sống

Câu 2 (4,0 điểm):

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên): **con người với tài nguyên rừng.**

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu ở bên dưới:

“Phạm Tử Hư quê ở Cẩm Giàng, là một người tuấn sảng hào mại không ưa kiểm thúc. Theo học nhà xử sĩ Dương Trạm, Trạm thường răn Tử Hư về cái tính hay kiêu căng. Từ đấy chàng cố sức sửa đổi, trở nên người có đức tính tốt. Khi Dương Trạm chết, các học trò đều tản đi cả, duy Tử Hư làm lễ ở nhà để châu chực, sau ba năm rồi mới trở về. Năm 40 tuổi, Tử Hư đi thi vẫn chưa đỗ; đời Trần, sang du học ở kinh, ngụ ở trong một nhà dân bên bờ hồ Tây.

Một buổi sáng, ở nhà trọ đi ra, trong ánh sương mù thấy có một đám những tán vàng kiêu ngọc bay lên trên không; kế lại có một cỗ xe nạm hạt châu, kẻ theo hầu cũng rất chững chạc. Tử Hư khẽ dòm trộm xem thì người ngồi trong xe, chính thầy học mình là Dương Trạm. Chàng toan đến gần sụp lạy nhưng Trạm xua tay nói:

- Giữa đường không phải chỗ nói chuyện, tối mai nên đến đền Trấn Vũ cửa Bắc, thầy trò ta sẽ hàn huyên. Tử Hư bèn sắm rượu và thức nhắm, đứng hẹn mà đến. Thầy trò gặp nhau vui vẻ lắm, chàng nhân hỏi rằng:

- Thầy mới từ trần chưa bao lâu, thoát đã trở nên hiển hách khác hẳn ngày trước, xin thầy cho biết rõ duyên do để con được vui mừng. Dương Trạm nói:

-Ta thuở sống không có một điều thiện nào đáng khen, chỉ có hay giữ điều tín thực đối với thầy bạn, quý trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt mà đốt đi. Đức Đế quân đây ngài khen là có bụng tốt tâm xin cho làm chức trực lại ở cửa Tử đồng. Hôm qua ta hầu lĩnh giá ngài lên châu Thiên cung, tình cờ lại gặp nhà ngươi, đó cũng là vì thầy trò mình có cái mối duyên...”

(Trích “Phạm Tử Hư du Thiên Tào lục”, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Trẻ, 2016, Tr.142)

Câu 1(0.5 điểm): Xác định thể loại của đoạn trích trên?

Câu 2(0.5 điểm): Tìm trong đoạn trích, câu văn giới thiệu về nhân vật Phạm Tử Hư?

Câu 3(1 điểm): Chỉ ra một từ Hán Việt trong đoạn trích và giải thích nghĩa của từ Hán Việt đó?

Câu 4(1 điểm): Nêu tác dụng của yếu tố hoang đường, kì ảo trong đoạn trích trên?

Câu 5(1 điểm): Từ những hành động và tình cảm của Tử Hư dành cho người thầy của mình, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT(6,0 điểm)

Câu 1(2 điểm): Từ đoạn trích ở phần đọc-hiểu, em hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về nhân vật Phạm Tử Hư.

Câu 2(4 điểm): Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên): **con người với tài nguyên nước.**

ĐỀ 3

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác ngậm mùi lòng ta
Nhớ từ thuở đặng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau;
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
(Khóc Dương Khuê - Nguyễn Khuyến)*

Câu 1 (0,5đ): Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ gì?

Câu 2 (0,5đ): Tìm trong đoạn thơ những từ ngữ biểu thị trực tiếp **tâm trạng** của nhà thơ khi nghe tin người bạn của mình qua đời.

Câu 3 (1đ): Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong câu thơ:

Nước mây man mác ngậm mùi lòng ta

Câu 4: (1đ): Tóm tắt nội dung đoạn thơ bằng một câu văn.

Câu 5(1đ): Bài học sâu sắc nào em nhận được từ nội dung đoạn thơ trên?

PHẦN VIẾT (6 điểm)

Câu 1 (2đ): Từ đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn ngắn (5-7 câu) cảm nhận về tình bạn của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê.

Câu 2 (4đ): Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: Là một học sinh, em hãy đề xuất những giải pháp phù hợp để **bảo vệ môi trường.**

ĐỀ 4

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản:

HAI CHỮ NƯỚC NHÀ

(Trần Tuấn Khải)

Bài thơ *Hai chữ nước nhà* là lời của người cha (Nguyễn Phi Khanh) khuyên dặn người con (Nguyễn Trãi) phải biết sống quên mình vì nước nhà.

Bài thơ gồm 25 khổ song thất lục bát và kết thúc bằng một dòng lục. Phần văn bản sau đây trích bảy khổ đầu của bài thơ:

*Chốn Ai Bắc mây sâu ảm đạm
Cõi trời Nam gió thảm đều hiu
Bốn bề hồ thét chim kêu
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình*

(2) *Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
Chút thân tàn lân bước dậm khơi
Trông con tâm tã châu rơi
Con ơi con nhớ lấy lời cha khuyên:*

(3) *Giống Hồng Lạc hoàng thiên đã định
Mấy ngàn năm suy thịnh đổi thay
Trời Nam riêng một cõi này
Anh hùng, hiệp nữ xưa nay kém gì!*

(4) *Than vận nước gặp khi biến đổi
Để quân Minh thừa hội xâm lăng
Bốn phương khói lửa bừng bừng
Xiết bao thảm họa xương rừng máu sông!*

(5) *Nơi đô thị thành tung quách võ
Chốn dân gian bỏ vợ lìa con
Làm cho tiêu tán hao mòn
Lạ gì khác giống dễ còn thương đau!*

(6) *Thảm vong quốc kẻ sao cho xiết
Trông cơ đồ nhường xé tâm can
Ngậm ngùi khóc đất giời than
Thương tâm nòi giống làm than nỗi này!*

(7) *Khói Nùng lĩnh như xây khối uất*
Sóng Long giang như rồng vật cơn sâu
Con ơi! càng nói càng đau...
Lấy ai tể độ đàn sau đó mà?

(Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải, NXB Văn học, 1984)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra cách hiệp vần của khổ thơ (1).

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong khổ thơ (2)

Câu 4 (1,0 điểm). Người cha dặn dò con điều gì? Hãy phân tích một vài câu thơ, từ ngữ đặc sắc thể hiện điều đó.

Câu 5 (1,0 điểm). Bức thông điệp được thể hiện qua văn bản trên là gì? Hãy cho biết thông điệp đó đã tác động tới cảm xúc, nhận thức của em như thế nào?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn (150 chữ) phân tích nét đặc sắc (cảm xúc, nghệ thuật) trong khổ thơ sau:

Thảm vong quốc kẻ sao cho xiết
Trông cơ đồ nhường xé tâm can
Ngậm ngùi khóc đất giời than
Thương tâm nòi giống lâm than nỗi này!

(*Hai chữ nước nhà* - Thơ văn Á Nam Trần Tuấn Khải. NXB Văn học, 1984)

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên): **Con người với danh lam thắng cảnh.**

ĐỀ 5

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau:

(**Lược một đoạn:** Đào Cảnh Long, hiệu là Vân Hiên cư sĩ, là một học trò nghèo sống vào cuối đời Lê Chiêu Thống, đức độ rộng rãi, tính tình chất phác, trọng danh nghĩa, chuộng khí khái. Năm Bính Thìn, vì nhà thiếu ăn, chàng phải đi dạy học thuê cho một nhà giàu).

Ở chỗ dạy học, anh có nuôi một con chó già, sớm hôm chơi đùa với nó. Anh đi đâu, nó cũng đi theo. Anh ngồi đâu, nó cũng đứng chầu bên cạnh. Anh đặt tên nó là Hàn Lư. Anh thường đùa với nó:

- Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, ngheoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.

Mấy tháng sau, anh có việc phải trở về quê hương. Con chó phải ở lại. Nó quanh quẩn ra vào ở cửa phòng học. Ban ngày xua đuổi gà lợn, ban đêm phòng giữ kẻ gian. Nhiều khi bọn trẻ lãng quên, không cho ăn, tiếng sủa của con chó không còn được sang sảng nữa.

Bấy giờ, trong làng có một phú ông họ Trương thấy vậy, thương hại, đem cơm đến cho ăn. Vừa bước vào cửa phòng học, liền bị con chó cắn phải. Ông trách mắng:

- Hàn Lư! Hàn Lư! Vì thương mày đói lâu nay, nên ta đến đưa cơm cho mày ăn. Ta đâu phải là kẻ bất nhân! Mày tuy là giống vật, nhưng cũng biết suy nghĩ chút ít. Sao mày lại lấy oán trả ân?

Ông chưa dứt lời, con vật chồm lên, nhe răng, giơ vuốt, nói bằng tiếng người:

- Ngày chủ tôi đi có căn dặn tôi phải bảo vệ phòng học, trông nom bọn trẻ. Ngăn chặn kẻ ác, cấm đoán kẻ gian là trách nhiệm của tôi. Ông tới đột ngột, lại không có chủ tôi đón tiếp, thì bị cắn một miếng là đúng lẽ thôi! Thế mà còn trách mắng nặng lời gì nữa!

Thấy con chó biết nói tiếng người, lại nói đúng lẽ, phú ông trầm nghĩ trong bụng nó là con vật kì lạ, ý muốn dụ dỗ, bèn nói:

- Ông chủ của mày bản chất là thầy đồ nghèo. Mình hẳn chẳng đủ miếng ăn, lấy đâu ra dành cho mày nữa. Bây giờ chi bằng mày bỏ chỗ tối, tới chỗ sáng, bỏ nhà nghèo, tới nhà giàu, tìm nơi no đủ, sung sướng suốt đời, có phải hơn không? Tội gì mà phải chịu khổ mãi? Con chó nói:

- Ôi! Ông cũng là người, sao nỡ mở miệng buông lời như thế. Kẻ sĩ trung nghĩa, không vì cùng hay thông mà thay đổi ý chí, cho nên đến mùa rét mới biết rõ bách tùng tươi tốt hơn các cây khác, gặp gió mạnh mới hay cây đứng được vững chắc. Giống súc vật tuy khác với loài người, song vẫn có tính trời phú, biết giữ vững khí tiết đối với chủ của mình. Huống hồ ông chủ của tôi lại là một người luôn biết giữ lòng chân chính, sống nghề quang minh, trung để thờ vua, tín để kết bạn, hiếu với cha mẹ, hòa thuận

họ hàng, trời sắp giao cho trách nhiệm quan trọng, cho nên bắt phải cùng khổ thiếu thốn, để trau dồi cho được thành công tốt đẹp đó thôi! Ông nói năng lung tung chẳng đúng gì, nên tôi tha thứ cho. Nếu không miếng này sẽ cắn cho một miếng nữa, chẳng ngần ngại gì! Hãy mau mau lui về, chó để sau phải hối tiếc!

Phú ông nghe xong, sững sốt ngây dại, hiểu rõ con vật có nghĩa, không thể giành giật được, đành mang cơm ra về.

Vài hôm sau, Đào Cảnh Long trở về, con chó mừng rỡ ra cửa đón tiếp, hình dáng tiều tụy khôn xiết. Nghe xóm giềng kể lại câu chuyện, Đào Cảnh Long cảm động lắm, ngậm ngùi lấy làm lạ mãi. Anh kiểm tra lại phòng sách, thì khóa cửa không di chuyển, giường chiếu còn y nguyên, đều là nhờ con chó hết sức canh giữ.

Ôi! Con chó là loài súc vật, mà còn biết giữ lòng tiết nghĩa thờ chủ. Dù dùng lời đường mật dụ dỗ, cũng không thể lay chuyển lòng dạ sắt đá của nó. Huống gì con người ăn lộc nhà vua, nếu giữ vững đầy đủ cái lòng tiết nghĩa ấy để đền ơn nước, xông ra đánh giặc, giặc nào chẳng tan; cố sức giữ thành, thành nào chẳng vững...

Than ôi! Sao mà lòng người chẳng còn được như xưa, thói đời đổi thay nhiều dạng? Lúc nước nhà yên vui thì bợ đỡ cầu vinh, lúc cuộc đời rối ren thì trở mặt đổi giọng, bán nước kiếm ăn, theo thời cầu lợi, không còn chút liêm sỉ, thật là quá quắt!

Vì vậy, tôi cho rằng ở đời nhiều kẻ không bằng con Hàn Lư đấy! Nhân ghi lại mẩu chuyện để răn bảo người đời.

(Trích **Chuyện con chó có nghĩa của một nhà nghèo**, Phạm Quý Thích, in trong *Truyện truyền kì Việt Nam*, Vũ Ngọc Khánh – Nguyễn Quang Ân sưu tầm, tuyển chọn, NXB Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội, 2023, tr.320 – 332)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra lời của nhân vật, lời của người kể chuyện trong những câu văn sau:

Anh thường đùa với nó:

– *Mày được ta chăm nuôi, mày có chịu dốc sức liều chết vì ta không? Con vật gật đầu, nghoe nguẩy đuôi như tỏ ý nhận lời.*

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo được sử dụng trong văn bản.

Câu 4. Xác định chủ đề của văn bản.

Câu 5. Em rút ra được những bài học gì cho bản thân sau qua văn bản trên?

II. VIẾT:

Câu 1: Viết đoạn văn nghị luận văn học: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về nhân vật người tiều phu trong đoạn trích sau:

Đất Thanh Hóa hầu hết là núi, bát ngát bao la đến mấy ngàn dặm. Có một ngọn núi cao chót vót, tên gọi là núi Na. Núi có cái động, dài mà hẹp, hiểm trở quanh vắng không có chân người, bụi trần không bén tới. Trong động có người tiều phu hàng ngày gánh củi ra đổi lấy cá và rượu,

cốt được no say chứ không lấy tiền. Ai hỏi tên họ nhà cửa, tiểu phu chỉ cười mà không nói. Người chung quanh đều cho rằng đây phải là bậc kỳ sỹ ở ẩn. Khoảng năm Khai Đại nhà Hồ, Hán Thương đi săn, chợt gặp ở đường, vừa đi vừa hát rằng:

[...]

“Núi xanh bao bọc quanh nhà
Ruộng đem sắc biếc xa xa vòng ngoài
Ngựa xe vông lọng mặc ai
Nước non này chẳng trăn ai vướng vào”

[...] Hát xong, phát áo đi thẳng. Hán Thương đoán là một bậc ẩn giả, bèn sai quan hầu là Trương Công đi mời. Nhưng Trương theo gần đến nơi thì tiểu phu đã đi vào động, gọi cũng không trả lời, chỉ thấy rêu mây lách khói, đi thoăn thoắt trong rừng tùng khóm trúc.

Biết không phải là người thường, Trương bèn rón bước đi theo, rẽ cỏ tìm đường. [...] Thấy Trương đến, tiểu phu kinh ngạc hỏi:

- Chỗ này thanh vắng, đất thẳm rừng sâu, chim núi kêu ran, muông rừng chạy vẩn, thế mà sao ông lại lần tới đây, chẳng cũng khó nhọc lắm ư? Trương trả lời:
- Tôi là chức quan tùy giá của đương triều; biết ngài là bậc cao sỹ nên vâng mệnh đến đây tuyên triệu. Hiện loan giá đang đợi ngoài kia, xin ngài quay lại một chút. Tiểu phu cười mà rằng:
- Ta là kẻ dật dân trốn đời, ông già lánh bụi; gửi thân nơi lều tranh quán cỏ, tìm sinh nhai trong búa gió rìu trăng, ngày có lối vào làng say, cửa vắng vết chân khách tục; bạn cùng hươu nai tôm cá, quần bên là tuyết nguyệt phong hoa, đông kếp mà hè đơn, nằm mây mà ngủ khói; mức khe mà uống, bới núi mà ăn, chứ có biết gì đâu ở ngoài kia là triều đại nào, vua quan nào.

(Trích Câu chuyện đối đáp của người tiểu phu núi Na, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Văn nghệ, 1988)

Câu 2. Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của em về tác động của **biến đổi khí hậu đối với con người**.

ĐỀ 6

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Từ Đạt ở Khoái Châu, lên làm quan tại thành Đông Quan thuê nhà ở cạnh cầu Đồng Xuân, láng giềng với nhà quan Thiêm thư là Phùng Lập Ngôn. Phùng giàu mà Từ nghèo; Phùng xa hoa mà Từ tiết kiệm; Phùng chuộng dễ dãi mà Từ thì giữ lễ. Lễ thói hai nhà đại khái không giống nhau. Song cũng lấy

nghĩa mà chơi bởi đi lại với nhau rất thân, coi nhau như anh em vậy. Phùng có người con trai là Trọng Quý, Từ có người con gái là Nhị Khanh, gái sắc trai tài, tuổi cũng suýt soát. Hai người thường gặp nhau trong những bữa tiệc, mến vì tài, yêu vì sắc, cũng có ý muốn kết duyên Châu Trần. (3) Cha mẹ đôi bên cũng vui lòng ưng cho, nhân chọn ngày mới lái, định kỳ cưới hỏi. Nhị Khanh tuy hãy còn nhỏ, nhưng sau khi về nhà họ Phùng, khéo biết cư xử với họ hàng, rất hòa mục và thờ chồng rất cung thuận, người ta đều khen là người nội trợ hiền. Trọng Quý lớn lên, dần sinh ra chơi bởi lâu lóng; Nhị Khanh thường vẫn phải can ngăn. Chàng tuy không nghe nhưng cũng rất kính trọng. Năm chàng 20 tuổi, nhờ phụ ẩm được bổ làm một chức ở phủ Kiến Hưng. Gặp khi vùng Nghệ An có giặc, triều đình xuống chiếu kén một viên quan giỏi bổ vào cai trị. Đình thần ghép Lập Ngôn tính hay nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn hùa nhau tiến cử. Khi sắp đi phò nhậm, Phùng Lập Ngôn bảo Nhị Khanh rằng:

- Đường xá xa xăm, ta không muốn đem đàn bà con gái đi theo, vậy con nên tạm ở quê nhà. Đợi khi sông bằng nước phẳng, vợ chồng con cái sẽ lại cùng nhau tương kiến.

Trọng Quý thấy Nhị Khanh không đi, có ý quyến luyến không rứt. Nhị Khanh ngăn bảo rằng:

- Nay nghiêm đường vì tính nói thẳng mà bị người ta ghen ghét, không để ở lại nơi khu yếu, bề ngoài vờ tiến cử đến chốn hùng phiến, bên trong thực dồn đuổi vào chỗ tử địa. Chả lẽ đành để cha ba đào muôn dặm, lam chương nghìn trùng, hiểm nghèo giữa đám kinh nghệ, cách trở trong vùng lèo mán, sớm hôm sẵn sóc, không kẻ đỡ thay? Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu đạo. Mặc dầu cho phẫn nạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê. Sinh không được, mới bày một bữa tiệc từ biệt, rồi cùng Lập Ngôn đem người nhà đi vào phương nam. Không ngờ lòng gười khó hiểu, việc người khôn lường, cha mẹ Nhị Khanh nói nhau tạ thế. Nàng đưa tang về Khoái Châu, chôn cất cúng tế xong rồi, đến cùng ở chung với bà cô Lưu thị...”

(Trích *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, Truyền kì mạn lục, Nguyễn Dữ, NXB Hội Nhà văn 2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo em, nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

Câu 3. Chỉ ra một cách dẫn được dùng trong đoạn trích. Cho biết dấu hiệu để nhận biết?

Câu 4. Vì sao Nhị Khanh thường can ngăn Trọng Quý khi chàng hay chơi bởi lâu lóng?

Câu 5. Em hiểu gì về đức hạnh Nhị Khanh qua lời khuyên chồng “... Vậy chàng nên chịu khó đi theo. Thiếp dám đâu đem mối khuê tình để lỗi bề hiếu

đạo. Mặc dầu cho phấn nhạt hương phai, hồng rơi tía rụng, xin chàng đừng bận lòng đến chốn hương khuê”.

II. VIẾT

Câu 1. (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) cảm nhận về đẹp của nhân vật Nhị Khanh trong đoạn trích và bày tỏ suy nghĩ về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam?

Câu 2. (4.0 điểm)

Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề tác động của biến đổi khí hậu đối với cuộc sống của con người.

ĐỀ 7

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :

Trời Hậu Giang, tù và dậy rúc
Phèn la kê, trống giục vang đồng
Đường quê đỏ rực cò hồng
Giáo lê sáng đất, tầm vông nhọn trời
Quyết một trận, quét đời nô lệ
Quăng máu xương, phá bỏ xiềng gông”
(Trích “Bà má Hậu Giang”- Tố Hữu)

- 1.Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.
- 2.Nêu tên địa danh anh hùng được nhắc tới trong đoạn trích.
- 3.Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên.
- 4.Em hãy nêu ý hiểu của em về câu thơ “Đường quê đỏ rực cò hồng”.
- 5.Từ nội dung của đoạn trích em có suy nghĩ gì về đất nước và con người Việt Nam trong thời kì chiến tranh gian khổ.

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

iViết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp mảnh đất và con người Hậu Giang qua đoạn trích trên.

Câu 2. (4,0 điểm)

Biến đổi khí hậu đang là vấn đề đáng báo động và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của con người. Hãy viết bài văn để trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này.

ĐỀ 8

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

[.....]

Má ngã xuống bên lò bếp đỏ
Thằng giặc kia đứng ngó trùng
trùng

Má già nhắm mắt, rung rung
“Các con ơi, ở trong rừng U Minh
Má có chết, một mình má chết
Cho các con trừ hết quân Tây!”

Thằng kia bỗng giậm gót giày
Đạp lên đầu má: “Mẹ mày, nói
không?”

Lưỡi gươm lạnh toát kẻ hông
“Các con ơi! Má quyết không khai
nào!”

Sức đâu như ngọn sóng trào
Má già đứng dậy, ngó vào thằng
Tây

Má hét lớn: “Tụi bay đồ chó!

Cướp nước tao, cắt cổ dân tao!
Tao già không sức cầm dao
Giết bay, có các con tao trăm
vùng!

Con tao, gan dạ anh hùng
Như rừng đước mạnh, như
rừng chà thơm!

Thân tao chết, dạ chẳng sờn!”
Thương ôi! Lời má lưỡi gươm
cắt rồi!

Một dòng máu đỏ lên trời
Má ơi, con đã nghe lời má
kêu!

Nước non muôn quý ngàn yêu
Còn in bóng má sớm chiều
Hậu Giang.

Đầu năm

1941

(Trích “Bà má Hậu Giang”, Tổ Hữu, nguồn Internet)

Câu 1 (0,5 điểm). Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0,5/ điểm). Những từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện sự kiên cường của bà má Hậu Giang

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra tác dụng của phép so sánh trong hai câu thơ sau:

“Con tao, gan dạ anh hùng

Như rừng đước mạnh, như rừng chà thơm!”

Câu 4 (1,0 điểm). Đoạn thơ thể hiện nội dung gì?

Câu 5 (1,0 điểm). Em có suy nghĩ gì về lẽ sống được đặt ra trong đoạn thơ trên?

II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận của em về hình ảnh bà má Hậu Giang trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về tình trạng thiếu nước sạch trong cuộc sống của con người hiện nay.

ĐỀ 9

Phần 1 : Đọc hiểu(4đ) : Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi :

Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một tài đành họa hai
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân
(**Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du**)

Câu 1 : Xác định thể thơ của đoạn thơ .

Câu 2 . Em hiểu thế nào về hình tượng “thu thủy”, “xuân sơn”.

Câu 3 . chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong 2 câu thơ sau

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Câu 4. Qua đoạn trích, tác giả Nguyễn Du bày tỏ tình cảm gì với nàng Kiều?

Câu 5 : Qua đoạn trích, em thấy tác giả Nguyễn Du là nhà thơ như thế nào ?

Phần II : Viết

Câu 1 (2đ) : Phân tích vẻ đẹp của Thúy Kiều được Nguyễn Du thể hiện qua đoạn thơ trên .

Câu 2 (4 đ) Em hãy viết một bài văn nghị luận bàn về một vấn đề cần giải quyết .

(thể hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên)

ĐỀ 10: I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Sao vội vàng đã mãi lên tiên;
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.
Giường kia treo cũng hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.
Bác chẳng ở, đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lấy nhớ làm thương;
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa chan!

(Trích *Khóc Dương Khuê*, Nguyễn Khuyến, nhà xuất bản GĐVN)

Câu 1 (0,5 điểm): Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ nào?

Câu 2 (0,5 điểm): Nhân vật trữ tình trong đoạn thơ là ai?

Câu 3 (1,0 điểm): Em hãy cho biết quả nghệ thuật của biện tu từ nhân hoá sử dụng trong hai câu thơ sau?

*Giường kia treo cũng hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.*

Câu 4 (1,0 điểm): Cảm xúc của nhân vật trữ tình thể hiện trong đoạn thơ là gì?

Câu 5 (1,0 điểm): Qua đoạn thơ em có suy nghĩ như thế nào về một tình bạn chân thành? Liên hệ và rút ra bài học cho bản thân em?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Viết đoạn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận về tâm trạng của nhân vật trữ tình trong 6 dòng thơ sau:

Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.
Giường kia treo cũng hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn.

(Trích *Khóc Dương Khuê*, Nguyễn Khuyến, nhà xuất bản GĐVN)

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn nghị luận (khoảng từ 400 đến 500 chữ) về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên): **bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu?**

ĐỀ 11

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:

(Tóm tắt phần đầu: Nguyễn sinh người Thanh Trì, diện mạo đẹp đẽ, tư chất thông minh, giọng hát ngọt ngào. Chàng sớm mồ côi cha, nhà nghèo nên học hành dang dở, chàng làm nghề chèo đò. Vì say đắm giọng hát và vẻ ưa nhìn của chàng nên cô con gái một nhà giàu họ Trần đã đem lòng yêu mến, sai người hầu đem khăn tay đến tặng, dặn chàng nhờ người mối manh đến hỏi. Nguyễn sinh nhờ mẹ bảo người mối manh đến nhà nàng nhưng bố nàng chê chàng nghèo nên không nhận lời, còn dùng lời lẽ không hay để mắng bà mối. Chàng phần chí bỏ đi xa để lập nghiệp; cô gái biết chuyện âm thầm đau khổ chẳng thể giải bày cùng ai, dần sinh bệnh, hơn một năm sau thì nàng qua đời.)

Trước khi nhắm mắt, nàng dặn cha:

- Trong ngực con chắc có một vật lạ. Sau khi con nhắm mắt, xin cha cho hỏa táng để xem vật đó là vật gì?

Ông làm theo lời con. Khi lửa thiêu đã lụi, ông thấy trong nắm xương tàn, sót lại một vật, to bằng cái đầu, sắc đỏ như son, không phải ngọc cũng chẳng phải đá, nó trong như gương, búa đập không vỡ. Nhìn kĩ thì thấy trong khối ấy có hình một con đò, trên đò một chàng trai trẻ tuổi đang ngả đầu tựa mái chèo nằm hát. Nhớ lại việc nhân duyên trước kia của con, ông chợt hiểu ra vì chàng lái đò mà con gái ông chết, hỏi thì không kịp nữa. Ông bèn đóng một chiếc hộp con, cất khối đỏ ấy vào trong, đặt lên giường của con gái.

Nguyễn sinh bỏ nhà lên Cao Bằng làm khách của trấn tướng. Chàng vì hát hay nên được trấn tướng yêu quý. Hơn một năm sau, chàng dần dần có của nả, rồi lại mấy năm nữa tích cóp lại được hơn hai trăm lạng vàng. Chàng nghĩ: “Số vàng này đủ để chi dùng cho việc cưới xin”. Xong, chàng sửa soạn hành trang trở về. Đến nhà, chàng hỏi thăm ngay cô gái nọ. Được nghe tất cả đầu đuôi về nàng, chàng vô cùng đau đớn, vội sắm sửa lễ vật đến điệu nàng. Khi chàng làm lễ xong, bố cô có mời chàng ở lại dùng cơm. Chàng xin ông cho xem vật đã được cất giấu trong hộp con. Ông mở hộp lấy ra đưa chàng. Chàng nâng niu cầm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng. Chàng cảm kích mối tình của nàng, thế không lấy ai nữa.

(Trích *Chuyện tình ở Thanh Trì, Lan Trì kiến văn lục*, Vũ Trinh, in trong cuốn *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại*, tập 1, Nguyễn Đăng Na giới thiệu và tuyển soạn, NXB Giáo dục, 1997, tr 424-426)

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên. Đoạn trích được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2 (0.5 điểm). Theo đoạn trích, sau khi bố của cô gái không đồng ý mối duyên, chàng trai có phản ứng như thế nào?

Câu 3 (1.0 điểm). Xác định và giải nghĩa từ Hán Việt trong câu sau:

“*Trong ngực con chắc có một vật lạ. Sau khi con nhắm mắt, xin cha cho hỏa táng để xem vật đó là vật gì?*”

Câu 4 (0.5 điểm). Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 5 (1.0 điểm). Từ câu chuyện tình ở Thanh Trì, em có suy nghĩ gì về khát vọng tình yêu thời phong kiến?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Từ nội dung ngữ liệu ở phần Đọc – hiểu, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của chi tiết: “*Chàng nâng niu cảm lấy, lòng vô cùng xúc động, hai dòng lệ trào ra nhỏ xuống khối đá đỏ. Bỗng khối đá tan ra thành nước, giọt giọt đều biến thành máu tươi, chảy đầm đìa vào tay áo chàng.*”

Câu 2 (4,0 điểm):

Viết bài văn nghị luận bàn về **giải pháp phù hợp để giảm thiểu rác thải nhựa trong trường học và các gia đình.**

ĐỀ 12

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

*Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa chàng ngoài chân mây
Trong cửa này đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia há kiếp chàng vay¹
Những mong cá nước sum vầy,
Bao giờ¹ đôi ngả nước mây cách vời.*

(Trích bản dịch **Chinh phụ ngâm khúc**, Đặng Trần Côn, *Chinh phụ ngâm diễn ca*, NXB Văn học, 1987, tr. 20)

¹ Vay: từ chỉ ý hoài nghi, than thở (*Chinh phụ ngâm diễn ca* - NXB Văn học, năm 1987, tr.20)

¹ Bao giờ: đâu giờ (*Chinh phụ ngâm diễn ca* - NXB Văn học, năm 1987, tr.20)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Liệt kê những hình ảnh được sử dụng để miêu tả hoàn cảnh xa cách của các nhân vật “*chàng*” và “*thiếp*” trong đoạn trích trên.

Câu 3 (1,0 điểm). Gọi tên và chỉ rõ biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ:

*Những mong cá nước sum vầy,
Bao giờ đôi ngả nước mây cách vời.*

Câu 4 (1,0 điểm). Chỉ ra tâm trạng của người chinh phụ được thể hiện qua đoạn trích trên.

Câu 5 (1,0 điểm). Từ đoạn trích trên, em hãy nêu thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm.

II. PHẦN VIẾT(6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu cảm nghĩ của em về đặc sắc nội dung, nghệ thuật của đoạn trích ở phần đọc hiểu.

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về **thực trạng con người đang khai thác tài nguyên biển quá mức.**

ĐỀ 13

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân
Mai cốt cách tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét mày nở nang
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So về tài sắc lại là phần hơn.
Làn thuy thủy nét xuân sơn.
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.

(Trích “*Truyện Kiều*” - Nguyễn Du)

***Chú thích:**

(1) *Mai cốt cách*: dáng vẻ mảnh mai của Thúy Kiều

(2) *Tuyết tinh thần*: tâm hồn trắng trong của Thúy Kiều

(3) *Khuôn trăng*: khuôn mặt tròn, sáng tươi như mặt trăng

- (4) *Nét ngài*: nét lông mày đậm sẫm đẹp như hồ nước
 (5) *Làn thu thủy*: đôi mắt đẹp như hồ nước mùa thu
 (6) *Nét xuân sơn*: lông mày quăn rũ như núi mùa xuân
 (7) *Cung, thương*: tên của hai cung đàn

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ của đoạn thơ trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra đối tượng trữ tình trong đoạn thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Trình bày tác dụng của biện pháp ẩn dụ trong dòng thơ “*Làn thu thủy, nét xuân sơn*”.

Câu 4 (1,0 điểm). Nêu ngắn gọn chủ đề, cảm hứng chủ đạo trong đoạn thơ.

Câu 5 (1,0 điểm). Từ đoạn thơ trên, em hãy nêu suy nghĩ của em về người phụ nữ xưa và nay.

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm). Viết đoạn văn phân tích nét đặc sắc (nội dung, nghệ thuật) trong đoạn thơ sau:

Vân xem trang trọng khác vời
 Khuôn trăng đầy đặn, nét mày nở nang
 Hoa cười, ngọc thốt đoan trang
 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

(“*Truyện Kiều*” – Nguyễn Du)

Câu 2 (4,0 điểm). Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết: Là một học sinh, em hãy đề xuất những giải pháp phù hợp để **khắc phục tình trạng xả rác bừa bãi ở trường học hoặc khu vực dân cư?**

ĐỀ 14

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm): Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

...*Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
 Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
 Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
 Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
 Hà lương ⁽¹⁾ chia rẽ đường này
 Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi.
 Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu ⁽²⁾,
 Ngựa sau còn khuất nẻo Tràng Dương ⁽³⁾.
 Quân đưa chàng ruổi lên đường,
 Liễu dương biết thiếp đoạn trường này chẳng?
 Tiếng địch thổi nghe chùng đồng vọng.
 Hàng cờ bay trông bóng phát phơ.
 Dấu chàng theo lớp mây đưa,
 Thiếp nhìn rặng núi ngán ngơ nổi nhà.
 Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
 Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.*

*Đoái trông theo đã cách ngăn
 Tuôn màu mây biếc trải ngàn ⁽⁴⁾ núi xanh.
 Chón Hàm Kinh ⁽⁵⁾ chàng còn ngoảnh lại,
 Bến Tiêu Tương ⁽⁶⁾ thiếp hầy trông sang.
 Khỏi Tiêu Tương cách Hàm Dương,
 Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng
 Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
 Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
 Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?*

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn, "*Những khúc ngâm chọn lọc*", tập I, NXB Giáo dục, 1994, tr. 40,41)

Chú thích:

- (1) *Hà Lương*: (hà: sông, lương: cầu). Ngày xưa tiễn đưa nhau thường đến chón "cầu sông".
- (2) *Liều*: (Té Liều). Vua Hán Văn Đế đến doanh Té Liều là nơi đồn quân của tướng Chu á Phu để khao thưởng quân sĩ.
- (3) *Tràng Dương*: Tên đất (cũng là tên cung của nhà Tần).
- (4) *Ngàn*: vết ngàn, vết hằn in.
- (5) *Hàm Kinh*: kinh đô Hàm Dương thời nhà Tần, nơi từng xảy ra nhiều trận chiến ác liệt.
- (6) *Tiêu Tương*: nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. tương truyền hai chị em Nga Hoàng và Nữ Anh cùng làm vợ vua Thuần. Vua Thuần đi giúp dân trừ họa lâu không về nên hai người vợ đi tìm. Hai người đi đến đất Tiêu Tương thì biết tin chồng đã mất, nên khóc đến chảy máu mắt. Máu dính lên thân trúc làm xuất hiện những đốm sẫm màu gọi là trúc Tiêu Tương).

Câu 1. (0,5 điểm). Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?

Câu 2. (0,5 điểm). Tìm các chi tiết, hình ảnh chỉ hành động của người chinh phụ trong đoạn trích.

Câu 3. (1 điểm). Khái quát nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 4. (1 điểm). Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai câu thơ sau:

*Ngòi đầu cầu nước trong như lọc,
 Đường bên cầu cỏ mọc còn non.*

Câu 5. (1 điểm). Nhận xét về tác phẩm "*Chinh phụ ngâm khúc*", có ý kiến cho rằng: "*Khúc ngâm là tấm lòng đồng cảm, xót thương của nhà thơ đối với cả người ra đi (chinh phụ) và người ở lại (chinh phụ)*". Em có đồng tình với ý kiến trên không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn phân tích nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ sau:

*Chàng thì đi côi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngăn
Tuôn màu mây biếc trải ngàn⁽⁴⁾ núi xanh.*

(Trích *Chinh phụ ngâm khúc*, Đặng Trần Côn)

Câu 2 (4,0 điểm)

Trên trang baochinphu.vn đã gửi đến một thông điệp: “**Bảo vệ nguồn nước là bảo vệ chính cuộc sống của chúng ta**”.

Là người trực tiếp được tận hưởng và sống bằng tài nguyên nước, em có suy nghĩ gì về việc bảo vệ nguồn nước sạch? Hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ về vấn đề này.

ĐỀ 15

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (4,0 điểm). Đọc đoạn trích sau và thực hiện theo yêu cầu:

KHÓC DƯƠNG KHUÊ - Nguyễn Khuyến

*“Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta,
Nhớ từ thuở đăng khoa ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau,*

*Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác vẫn tinh thần chưa can,
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày,*

*Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời?
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;*

*Làm sao bác vội về ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời,
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng sao đã mãi lên tiên,*

*Có khi tăng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang;
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhấp,
Chén quỳnh tương ăm ắp bầu xuân,*

*Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua,
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa,*

*Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần trước sau,
Buổi dương cửu cùng nhau hoạn nạn,
Phận đấu thắng chẳng dám tham trời,*

*Giường kia treo những hững hờ,
Đàn kia gảy cũng ngán ngơ tiếng đàn,
Bác chẳng ở đâu van chẳng ở,
Tôi tuy thương, lạy nhớ làm thương,*

*Bác già, tôi cũng già rồi,
Biết thôi, thôi thế thì thôi mới là!
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác,
Trước ba năm gặp bác một lần;*

*Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!”*

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm).

***Câu thơ nghĩ dẫn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa.***

Anh/ chị hãy cho biết : tại sao tác giả lại “ dẫn đo không viết” ? Hai câu thơ trên cho thấy mối quan hệ của Nguyễn Khuyến và Dương Khuê như thế nào?

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “***Bác Dương thôi đã thôi rồi***”.

Câu 4 (1,0 điểm). Khái quát nội dung chính của bài thơ trên.

Câu 5 (1,0 điểm). Bài thơ ***Khóc Dương Khuê*** giúp em nhận thức gì về tình bạn, tình người trong cuộc sống?

II. PHẦN LÀM VĂN (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nhận về tình bạn của Nguyễn Khuyến với Dương Khuê qua 5 khổ thơ đầu bài thơ “***Khóc Dương Khuê***” - Nguyễn Khuyến.

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên) : “***Là một học sinh, em hãy đề xuất những giải pháp phù hợp để bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu?***”